

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~3179~~/SNN&PTNT-PTNT

Thanh Hóa, ngày ~~21~~ tháng 8 năm 2019

V/v đánh giá việc thực hiện Thông tư số
19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016
của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Kính gửi:

- Trưởng các phòng: Trồng trọt, Chăn nuôi;
- Chi cục trưởng các Chi cục: Kiểm lâm, Bảo vệ thực vật, Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Thú y.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Công văn số 4873/STNMT-BVMT ngày 20/8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá việc thực hiện Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị nêu trên căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo đánh giá các khó khăn của đơn vị trong việc tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu môi trường của Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 (theo biểu mẫu gửi kèm).

Báo cáo của các đơn vị gửi bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Phát triển nông thôn) trước ngày 22/8/2019 và file mềm qua địa chỉ email: thaonguyen.snnptnt@gmail.com để tổng hợp, báo cáo.

Yêu cầu các đơn vị khẩn trương thực hiện./.

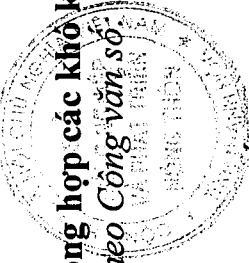
Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, PTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VIỆT HẢI



Phụ lục

Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT
(Kèm theo Công văn số 3179 /SNN&PTNT-PTNT ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Ghi chú:

- (3),(4),(5),(6): Đánh dấu (x) vào ô lựa chọn.

- (7): Báo cáo cụ thể các khó khăn khi thực hiện chỉ tiêu (nếu có). Nếu không có vướng mắc, trong các báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm của địa phương, đề nghị báo cáo đầy đủ, chính xác các chỉ tiêu.

- (8): Nêu đề xuất cụ thể của địa phương đối với chỉ tiêu:

+ Nếu đề xuất chỉnh sửa đề nghị nêu rõ hướng chỉnh sửa.

+ Nếu đề xuất bãi bỏ đề nghị nêu rõ lý do.

Số TT	Tên chỉ tiêu	Ý kiến của địa phương về chỉ tiêu		Tình hình thực hiện chỉ tiêu		Đề xuất, kiến nghị	
		Cần thiết tính toán	Chưa cần thiết tính toán	Tính toán được	Chưa tính toán được	Khó khăn, vướng mắc khi thực hiện chỉ tiêu	Đề xuất cụ thể (giữ nguyên/chỉnh sửa/bãi bỏ..)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Tổng diện tích đất trồng trọt						
2	Tổng sản lượng lương thực						
3	Tổng lượng phân bón vô cơ sử dụng						
4	Tổng lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng						
5	Tổng lượng phụ phẩm nông nghiệp thải bỏ (rơm, rạ, tro, trấu, vỏ củ quả...)						
6	Số cơ sở chăn nuôi gia súc tập trung						
7	Số cơ sở chăn nuôi gia cầm tập trung						



Số TT	Tên chỉ tiêu	Ý kiến của địa phương về chỉ tiêu		Tình hình thực hiện chỉ tiêu		Đề xuất, kiến nghị	
		Cần thiết tính toán	Chưa cần thiết tính toán	Tính toán được	Chưa tính toán được	Khó khăn, vướng mắc khi thực hiện chỉ tiêu	Đề xuất cụ thể (giữ nguyên/chỉnh sửa/bãi bỏ..)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
8	Tổng số gia súc						
9	Tổng số gia cầm						
10	Tổng diện tích đồng cỏ chăn nuôi						
11	Tổng lượng nước thải chăn nuôi phát sinh						
12	Tổng lượng chất thải rắn chăn nuôi phát sinh						
13	Tổng diện tích mặt nước và sản lượng nuôi trồng thủy sản						
14	Tổng lượng thuốc thú y sử dụng						
15	Tổng lượng thuốc thủy sản sử dụng						
16	Tổng lượng thức ăn thủy sản sử dụng						
17	Tổng lượng thức ăn chăn nuôi sử dụng						
I	Tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường						
18	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi gia súc tập trung có hầm biogas						
19	Tỷ lệ hộ gia đình chăn nuôi có hầm biogas						
II	Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học						
20	Tổng diện tích, tỷ lệ rừng đặc dụng, phòng hộ trên diện tích đất rừng						
21	Tỷ lệ, diện tích các hệ sinh thái tự nhiên đã bị suy thoái được phục hồi, tái sinh						

Số TT	Tên chỉ tiêu	Ý kiến của địa phương về chỉ tiêu		Tình hình thực hiện chỉ tiêu		Đề xuất, kiến nghị	
		Cần thiết tính toán	Chưa cần thiết tính toán	Tính toán được	Chưa tính toán được	Khó khăn, vướng mắc khi thực hiện chỉ tiêu	Đề xuất cụ thể (giữ nguyên/chỉnh sửa/bãi bỏ..)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
22	Số lượng và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên						
23	Số lượng và diện tích khu di sản thiên nhiên						
24	Số lượng, diện tích các vườn chim, sân chim, vườn sinh thái, khu cảnh quan sinh thái được công nhận, bảo vệ						
25	Số loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ giám						
26	Số chương trình, dự án bảo tồn loài nguy cấp, quý hiếm thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ được thực hiện						
27	Số lượng nguồn gen quý, có giá trị được phục hồi						
28	Diện tích rừng thay thế khi thực hiện dự án						
29	Diện tích cây trồng biến đổi gen						
30	Số loài ngoại lai xâm hại môi trường đã được diệt trừ						
31	Số cây di sản được vinh danh						
32	Số giống cây trồng, vật nuôi quý hiếm						

